ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2525 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật xây dựng (các hạng mục còn lại) công trình Đường giao thông từ ngã ba Voi (TP.Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1633/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình; số 1146/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công việc còn lại của dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (TP. Thanh Hóa) đi TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2590/TTr-SGTVT ngày 29/6/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật xây dựng (các hạng mục còn lại), công trình đường giao thông từ ngã ba Voi (TP. Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật công trình tại Công văn số 2589/SGTVT-TĐKHKT ngày 29/6/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật xây dựng (các hạng mục còn lại) công trình: Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chủ yếu như sau:

1.Quy mô đầu tư xây dựng

Thi công hoàn thiện đoạn từ Km8+500 - Km11+743,18 với chiều dài 3,243km đạt đường phố chính đô thị (theo TCVN 104: 2007), vận tốc thiết kế V_{tk}=80km/h.

Chỉ giới xây dựng 50m; giới hạn đường đỏ 44m; đầu tư xây dựng hai làn đường riêng biệt chạy song song với quy mô nền đường B_n=7,5m; mặt đường B_m=5,5m; dải đất dự phòng ở giữa rộng B=14m; lề đất (dự phòng xây dựng vỉa hè) B_l=2x7,5m=15,0m.

2. Giải pháp thiết kế

2.1. Bình đồ đoạn tuyến: Tuân thủ thiết kế đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định: số 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 và số 1633/QĐ-UBND ngày 03/4/2020.

- Điểm đầu Km8+500: giao với ĐT.511 (đường Môi-Chẹt);

- Điểm cuối Km11+743,18: giao với đường 4C, thuộc địa phận xã Quảng Vinh, TP. Sầm Sơn (nối vào khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn).

2.2. Trắc dọc tuyến: Cao độ đường đỏ tuân thủ theo bước TKCS điều chỉnh đã được phê duyệt, được thiết kế trên cơ sở tần suất tính toán nền đường và phù hợp với cao độ quy hoạch.

Cao độ đường đỏ tại tim mỗi làn đường, thấp hơn cao độ giai đoạn hoàn chỉnh là 5cm (bằng chiều dày lớp BTN C12,5); toàn tuyến là nền đắp, độ dốc dọc lớn nhất I_{max}=0,3%.

2.3. Trắc ngang tuyến: Mặt đường và lề gia cố dốc ngang hai mái I_m=2%, lề đất I_l=6%; siêu cao trong đường cong lớn nhất I_{max}=2%.

Bố trí hai làn đường riêng biệt chạy song song với bề rộng mỗi làn đường như sau: B_n=7,5m; B_m=5,5m; bề rộng dải đất dự phòng ở giữa B=14,0m; bề rộng lề đất (dự phòng xây dựng vỉa hè) Bl=7,5m.

2.4. Kết cấu áo đường: Cường độ mặt đường yêu cầu E_{yc}≥140Mpa.

- Mặt đường: Bằng BTN C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m^2.

- Móng đường (tổng chiều dày 45cm), gồm: lớp móng trên bằng CPĐD loại I dày 15cm; lớp móng dưới bằng CPĐD loại II dày 30cm.

2.5. Nền đường: Toàn tuyến là nền đắp, bằng đất đồi đảm bảo tiêu chuẩn đạt độ chặt K≥0,95, lớp sát đáy áo đường đạt độ chặt K≥0,98 dày 30cm; mái taluy đắp 1/1,5.

Phạm vi vỉa hè hai bên và dải đất dự phòng giữa hai làn đường đắp bằng đất tận dụng từ đào đất nền đường không thích hợp, đầm lèn đạt độ chặt K≥0,90.

2.6. Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và đào rãnh đất. Đối với phần dải đất dự phòng giữa hai làn đường nước được thu về cống ngang có bố trí lưới chắn rác.

2.7. Cống thoát nước ngang:

- Hoàn thiện 04 cống tại Km9+413,72; Km10+559,79; Km11+032,22; Km11+304,08.

- Làm mới 05 cống hộp: 2 cống (2,0x1,5)m tại Km9+597,22 và Km9+668,72; 2 cống (2,5x2,0)m tại Km8+821,77 và Km8+942,70; 1 cống (1,5x1,5)m tại Km11+522,17.

- Kết cấu cống bằng BTXM và BTCT, chiều dài cống bằng bề rộng nền đường giai đoạn hoàn chỉnh.

2.8. Cầu sông Rào: Hoàn thiện các hạng mục chưa thi công, gồm: lớp móng trên CPĐD loại I dày 15cm, lớp BTN C19 dày 7cm; nắp đậy khe co giãn, tấm chắn rác ống thoát nước mặt cầu; bệ đỡ cột điện chiếu sáng trên cầu.

2.9. Tuy nen ngang đường:

- Hoàn thiện 02 tuynen đang thi công dở dang.

- Làm mới 04 tuynen tại Km9+00, Km9+500, Km10+00 và Km11+00; chiều dài 33,31m, chiều rộng lòng 2m (đấu nối vào tuy nen dọc ở giai đoạn hoàn chỉnh qua hố thu), hố thu có tiết diện lòng (2,5x3,3)m.

- Kết cấu tuy nen ngang: Móng bằng BTXM M150; thân tuynen có tiết diện lòng 2x2m bằng BTCT M300.

- Kết cấu hố thu: Móng bằng BTXM M150; thân bằng BTCT M300; bịt lỗ chờ bằng gạch xây VXM M75; lòng hố thu bố trí hố thu nước, tấm đậy bằng gang đúc (để đặt máy bơm hút ra khi có mưa trong giai đoạn hoàn chỉnh).

2.10. Nút giao: Các nút giao được thiết kế đồng mức, tự điều khiển bằng vạch sơn, biển báo, gờ giảm tốc. Kết cấu áo đường trong nút giao như kết cấu phần tuyến, cụ thể:

- Nút giao tại Km10+309 ngã tư, giao với đường 4B: Mở rộng các nhánh trên đường 4B, đảm bảo mặt đường rộng 5,5m (2 làn xe) với chiều dài từ tim giao về mỗi phía 100m; bố trí làm rẽ trên tuyến với bề rộng làn 3,75m; chiều dài từ tim giao về mỗi phía 100m.

- Nút giao tại Km11+743,18 ngã ba, giao với đường 4C: Mở rộng các nhánh trên đường 4B để mặt đường đạt 5,5m (2 làn xe) với chiều dài từ tim giao về mỗi phía 100m; bố trí làm rẽ trên tuyến với bề rộng làn 3,75m; chiều dài từ tim giao về phía TP. Thanh Hóa là 100m.

2.11. Vị trí quay đầu xe: Bố trí các điểm quay đầu xe với khoảng cách trung bình 500m (kể cả nút giao), gồm 04 điểm; kết cấu nền đường, áo đường như kết cấu phần tuyến.

2.12. Đường ngang: Tổng số có 10 đường ngang các loại, vuốt nối đường ngang có bề rộng ≥ bề rộng đường hiện trạng, độ dốc dọc I≤4%. Kết cấu mặt đường bằng mặt đường đá dăm láng nhựa.

2.13. An toàn giao thông: Bố trí biển báo, cọc tiêu, cọc H, cột km, sơn kẻ

đường, gờ giảm tốc, lan can tôn sóng tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT.

- Đối với các vị trí quay đầu xe: bố trí hộ lan tôn sóng với chiều dài 15m tính từ đỉnh của điểm quay đầu xe.

- Đối với các vị trí nút giao, bố trí dải phân cách bằng BTXM M200.

2.14. Tiến độ thi công công trình: Hoàn thành năm 2022.

3. Chỉ dẫn kỹ thuật: Nội dung cụ thể như Tờ trình số 2590/TTr-SGTVT ngày 29/6/2020 của Sở Giao thông vận tải.

4. Dự toán công trình: 51.597.252.000 đồng (*Năm mươi mốt tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*); trong đó:

- Chi phí xây dựng:	45.758.919.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	549.107.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.891.747.000 đồng;
- Chi phí khác:	442.955.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	3.314.524.000 đồng.

(chi tiết như phụ biểu dự toán kèm theo).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'25.427, 25.428).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

PHỤ BIỂU TỔNG DỰ TOÁN

Công trình: Đường giao thông từ ngã ba Voi (TP. Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải			Thành tiền
I	**Chi phí xây dựng**				**45.758.919.000**
II	**Chi phí quản lý dự án**	1,32%	x	41.599.017.273	**549.107.000**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư XD**				**1.891.747.000**
1	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	0,20%	x1,1x	41.599.017.273	91.518.000
2	Giám sát kỹ thuật - thi công	2,45%	x1,0x	41.599.017.273	1.122.160.000
3	Chi phí KS bước lập báo cáo NCKT	QĐ số 1446/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			9.196.000
4	Chi phí lập báo cáo NCKT điều chỉnh				112.731.000
5	Chi phí khảo sát bước BVTC	QĐ số 505/QĐ-SGTVT ngày 06/5/2020 của Sở GTVT			247.057.000
6	Chi phí lập thiết kế và dự toán				250.638.000
7	Chi phí lập nhiệm vụ, dự toán KS				6.758.000
8	Chi phí giám sát khảo sát				10.090.000
9	Thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	0,10%	x	41.599.017.273	41.599.000
IV	**Chi phí khác**				**442.955.000**
1	Bảo hiểm công trình	0,25%	x1,1x	41.599.017.273	114.397.298
2	Thẩm định Dự án đầu tư điều chỉnh	QĐ số 1446/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			11.428.000
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	0,081%	x	41.599.017.273	33.646.000
4	Phí thẩm định dự toán	0,077%	x	41.599.017.273	32.082.000
5	Chi phí kiểm toán (xây lắp, TV ĐTXD và chi khác)	0,364%	x1,1x	48.432.925.298	194.105.000
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,237%	x 0,5 x	48.432.925.298	57.297.000
V	**Dự phòng**	6,8%	x	**I+II+III+IV+V**	**3.314.524.000**
1	Cho yếu tố khối lượng	5,0%	x	I+II+III+IV+V	2.432.136.400
2	Cho yếu tố trượt giá	1,81%	x	I+II+III+IV+V	882.387.859
Tổng dự toán		**I+II+III+IV+V**			**51.957.252.000**